

Bản án số: 133/2021/HSST

Ngày: 17 - 8 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Kháng Mai Thu

Ông Trịnh Duy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn X** Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1979 tại tỉnh Đ.

Nơi cư trú: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12 PT; Con ông: Lò Văn U - sinh năm 1935 và bà: Quàng Thị B - sinh năm 1939; Bị cáo có vợ: Lò Thị T - sinh năm 1980 (đã ly hôn). Từ năm 2010 bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Lò Thị X - sinh năm 1977. Bị cáo có 03 con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2013); Tiền án: không, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản Tại Bản án số 37/2008/HSST ngày 12/9/2008 (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, được coi là đương nhiên xóa án tích). Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/6/2021 cho đến nay. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Lò Văn L** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 08/12/1990 tại Đ.

Nơi cư trú: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12 PT; Con ông: Lò Văn M (đã chết) và bà: Quàng Thị N - sinh năm 1940; Bị cáo có vợ: Lương Thị M - sinh năm

1992 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2013; Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 02/5/2021 cho đến nay. (Có mặt)

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Minh P - sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.
(Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Tô Ngọc A - sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số nhà M, tổ dân phố N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4 năm 2021, Lò Văn X, Lò Văn L được ông Nguyễn Minh P thuê làm công trình xây dựng đền thờ liệt sỹ chiến trường Đ tại đồi F, thuộc tổ dân phố A, phường M, thành phố Đ. X, L biết rõ khi cho thợ nghỉ trưa mỗi ngày ông P thường cất máy khoan, máy cắt, máy hàn của mình vào tủ gỗ tự đóng để tại công trình khóa lại, không có người trông coi. Trưa ngày 01/5/2021, sau khi ăn xong, đang nằm nghỉ tại số nhà B, tổ dân phố C, phường M, thành phố Đ - nhà ông P thuê cho thợ ăn, nghỉ, thì X rủ L lên công trình đồi F trộm cắp tài sản, L đồng ý. Cả hai đi bộ lên đồi cách đó khoảng 500m, X bảo L đứng canh nếu có người thì báo. X nhặt một đoạn sắt phi 10 dài khoảng 50cm ở gần đó cạy bung cửa tủ đóng bằng gỗ ép. X lấy 01 máy khoan cầm tay RH 850 màu đen; 01 máy cắt cầm tay FEG màu nâu; 01 máy cắt cầm tay MT 583 màu đỏ; 01 máy cắt cầm tay Maktec và 01 bộ máy hàn điện Bouyeau màu xanh cho vào bao xác rắn nhặt ở gần đó để xách, X bảo L lấy nốt 01 máy hàn Sanrex, cùng mang tài sản trộm cắp được xuống để ở vỉa hè đường Hoàng Văn Thái cách ngã tư Nghĩa trang A1 khoảng 100m. X đi về số nhà 71 lấy đồ cá nhân cho cả hai, bảo L ở lại vậy taxi. X và L đi taxi của người không quen biết mang số máy trộm cắp được ra Mường Ảng tìm chỗ bán. Cả hai vào cửa hàng bán máy Nông - Lâm nghiệp tại tổ dân phố N, thị trấn M, huyện M gặp anh Tô Ngọc A - chủ cửa hàng, X nói dối là máy của gia đình, không dùng nữa đem bán, L đòi giá 3.500.000 đồng. Sau khi kiểm tra máy Tô Ngọc A nhất trí mua với giá 2.800.000 đồng và trả tiền cho L. Tiền bán tài sản trộm cắp L trả tiền taxi, xe ôm, mua nước uống, đồ ăn cho cả hai hết 526.000 đồng, chia cho X 1.100.000 đồng, giữ lại 1.174.000 đồng. Số tiền được chia X đã chi tiêu hết.

Đêm ngày 01/5/2021, L đã tự nguyện đến công an phường M tự thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình, giao nộp số tiền 1.174.000 đồng.

Vật chứng vụ án gồm: 01 máy khoan, 03 máy cắt và 02 bộ máy hàn điện Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông P; Thanh sắt X dùng cạy tủ và bao xác rắn đựng máy các bị cáo đã vứt đi, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL ngày 04/5/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã kết luận các tài sản đều đã qua sử dụng: 01 máy khoan cầm tay hiệu POWER ACTION ROTARY hammer RH850, màu xanh - đen kèm theo một dây điện màu đen dài 02m giá trị 1.125.000 đồng; 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu FEG, màu nâu - đỏ kèm theo một dây điện màu vàng dài 2,2m giá trị 700.000 đồng; 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu MAKTEC by makita MT583 màu đỏ - đen kèm theo một dây điện màu đen dài 02m giá trị 1.530.000 đồng; 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu MAKTEC màu xanh - đen, không có lưỡi cắt kèm theo một dây điện màu đen dài 02m giá trị 1.360.000 đồng; 01 máy hàn điện nhãn hiệu BOUYEAN, Model: MMA-2001, màu xanh kèm theo một dây điện màu đen dài 0,4m, một dây hàn này đen dài 02m và một dây hàn màu đen dài 1,2m giá trị 3.880.000 đồng; 01 hàn điện nhãn hiệu SANREX, Model: ARC-250, màu xanh kèm theo một dây điện màu đen dài 1,6m và một dây hàn màu đen 03m, một dây hàn màu đen dài 15m giá trị 4.950.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 13.545.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 81/CT-VKSTPĐBP ngày 19/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Lò Văn X, Lò Văn L về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 17, Điều 58/BLHS: Xử phạt bị cáo X từ 15 đến 18 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1, 3 Điều 17, Điều 58/BLHS: Xử phạt bị cáo L từ 06 đến 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp nhau và phù hợp với các tài liệu khác

có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Trong tháng 4 năm 2021, tại công trình xây dựng đền thờ liệt sỹ chiến trường Đ tại đồi F, thuộc tổ dân phố A, phường M, thành phố Đ, Lò Văn X, Lò Văn L đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là 01 máy khoan, 03 máy cắt và 02 bộ máy hàn điện của ông Nguyễn Minh P có tổng giá trị là 13.545.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản, quyền sở hữu tài sản của cá nhân được Nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm, nhưng không có tổ chức vì giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể. Bị cáo X là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện tội phạm, là người thực hành tích cực hơn nên có vai trò chính. Bị cáo L là người thực hành giữ vai trò thứ yếu.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, nguyên nhân, điều kiện phạm tội:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Đối với bị cáo Lò Văn L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tự thú, tự nguyện nộp lại số tiền 1.174.000 đồng để bồi thường một phần hậu quả, bố mẹ bị cáo đều được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, r, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51/BLHS.

Về nhân thân:

Bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, mới sử dụng ma túy từ tháng 3/2021.

Bị cáo X là đối tượng nghiện chất ma túy. Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 27/6/2009 bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án, được coi là đương nhiên xóa án tích. Như vậy, đây là lần thứ hai bị cáo bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho mình mà vẫn tiếp tục phạm tội.

Về nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Các bị cáo muốn có tiền mua ma túy và tiêu sài một cách nhanh nhất nên đã lợi dụng việc sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên được chấp nhận. Cần

thiết áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, đều thuộc hộ nghèo, hiện không có nghề nghiệp và thu nhập nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Vật chứng vụ án gồm: 01 máy khoan, 03 máy cắt và 02 bộ máy hàn điện, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại. Ông P đã nhận lại tài sản, tự sửa lại chiếc tủ đựng máy, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Thanh sắt X dùng cột tủ và bao xác rắn đựng máy các bị cáo đã vứt đi, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra ông P đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị trộm cắp, tự sửa lại chiếc tủ đựng máy, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý về trách nhiệm dân sự.

Anh Tô Ngọc A đã mua, không biết là các tài sản do các bị cáo trộm cắp, đã nhận lại số tiền 1.174.000 đồng, tự nguyện cho các bị cáo số tiền còn lại đã mua tài sản là 1.626.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết về phần dân sự. Xét việc anh Ngọc A cho các bị cáo số tiền còn lại trên là hoàn toàn tự nguyện, các bị cáo cũng đã phải chịu sự xử lý về hình sự nên không cần thiết phải truy thu nộp ngân sách số tiền này vì các bị cáo không có khả năng thi hành.

[6]. Các vấn đề khác:

Anh Tô Ngọc A đã mua tài sản của các bị cáo nhưng không biết là các tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với người lái xe taxi và người phụ nữ bán tạp hóa do các bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không triệu tập để làm rõ được, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Công an thành phố Điện Biên Phủ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa

án mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên do các bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn X, Lò Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn X **15** (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (04/6/2021).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn L **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (02/5/2021).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/8/2021). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QL, NV liên quan;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TPĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ